

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)

Phòng thi: C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h45

Ngày thi: 24/03/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0220	SV6189974	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	06/07/1998		
2	TA0221	SV6189975	Nguyễn Trọng Quốc	Anh	16/02/1999		
3	TA0222	SV6189976	Phạm Trung Tuấn	Anh	09/02/1999		
4	TA0223	SV6189977	Hoàng Trọng	Đạt	19/05/1999		
5	TA0224	SV6189978	Mai Quốc	Đạt	17/09/1997		
6	TA0225	SV6189979	Đỗ Trọng	Đức	13/11/1999		
7	TA0226	SV6189980	Bùi Minh	Hải	13/06/1999		
8	TA0227	SV6189981	Vũ Quốc	Hải	06/05/1997		
9	TA0228	SV6189982	Đinh Văn	Hiếu	10/10/1998		
10	TA0229	SV6189983	Đào Xuân	Hòa	12/04/1998		
11	TA0230	SV6189984	Đỗ Văn	Huy	07/11/1998		
12	TA0231	SV6189985	Trần Thị Mai	Lan	25/05/1998		
13	TA0232	SV6189986	Trần Diệu	Linh	18/09/1999		
14	TA0233	SV6189987	Mai Thị	Loan	26/12/1999		
15	TA0234	SV6189988	Nguyễn Tiến	Mạnh	16/11/1999		
16	TA0235	SV6189989	Nguyễn Trần Hải	Minh	04/09/1998		
17	TA0236	SV6189990	Nguyễn Hải	Nam	04/09/1998		
18	TA0237	SV6189991	Bùi Thị	Oanh	19/01/1998		
19	TA0238	SV6189992	Tăng Thị Như	Quỳnh	20/09/1999		
20	TA0239	SV6189993	Tô Khánh	Quỳnh	07/08/1999		
21	TA0240	SV6189994	Phạm Trường	Sinh	05/02/1999		
22	TA0241	SV6189995	Vũ Ngọc	Thắng	15/09/1998		
23	TA0242	SV6189996	Tạ Đình	Thành	20/03/2000		
24	TA0243	SV6189997	Đinh Thị Thanh	Thủy	02/12/1998		
25	TA0244	SV6189998	Nguyễn Ngọc	Thúy	20/10/1998		
26	TA0245	SV6189999	Nguyễn Thị	Thúy	25/08/1998		
27	TA0246	SV6190000	Trần Nguyễn Thu	Trang	23/06/1998		
28	TA0247	SV6190001	Lê Minh	Trí	28/03/1998		
29	TA0248	SV6190002	Nguyễn Công	Tú	01/10/1998		
30	TA0249	SV6190003	Nguyễn Văn	Tụ	16/05/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)